MIRAE ASSET Securities

Equity Research
08/05/2026

(Cập nhật)	**Mua**
Giá mục tiêu (VND)	**35,000**
Thị giá (08/05/2026, VND)	27,850
Lợi nhuận kỳ vọng	25.6%

Lợi nhuận HĐKD (26F, tỷ đồng)	28,366
Kỳ vọng thị trường (26F, tỷ đồng)	-
Tăng trưởng EPS (26F, %)	41.6%
Kỳ vọng thị trường (26F, %)	-
P/E (26F, x)	12.5
P/E thị trường (x)	1,909
VNIndex	213,762
Vốn hóa (tỷ đồng)	7,675
SLCP đang lưu hành (triệu)	82.0
% tự do chuyển nhượng (%)	22.6
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	0.9
Beta (12T)	20,625
Thấp nhất 52 tuần (VND)	30,850
Cao nhất 52 tuần (VND)	1,909

(%)	1M	6M	12M
Tuyệt đối	3.5	6.5	31.1
Tương đối	-10.3	-12.9	-21.6

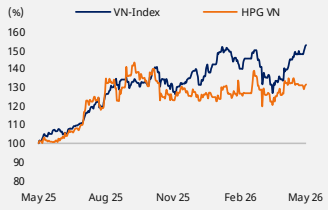

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

Nguyễn Huỳnh Bình Nguyên
nguyen.nhb@miraeasset.com.vn

HPG • Thép

Tập đoàn Hòa Phát

Giá bước vào xu hướng tăng như kỳ vọng

KQKD 1Q26 vượt kỳ vọng

HPG ghi nhận lợi nhuận ròng 1Q26 đạt 8.994 tỷ đồng (+141% sv. Q4/+169% CK) trên mức doanh thu 52.901 tỷ đồng (+15% QoQ/+41% YoY). Trong khi doanh thu nhìn chung phù hợp với dự báo, lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi và đồng thuận Bloomberg. Động lực chính đến từ: **1) khoản thu nhập một lần từ chuyển nhượng** dự án Phố Nối, ghi nhận 4.916 tỷ đồng thu nhập tài chính, chiếm 46% LNTT, và **2) tăng trưởng lợi nhuận hoạt động mảng thép**, đạt 5.152 tỷ đồng (+41% sv. Q4/+60%CK), đóng góp 48% lợi nhuận hoạt động hợp nhất. Diễn biến này chủ yếu phản ánh sự phục hồi của giá thép và biên chênh lệch so với chi phí nguyên liệu, chi tiết mảng thép:

- **Sản lượng:** So với Q4, sản lượng tiêu thụ trong Q1 đi ngang, nhưng tăng 44% CK. Động lực tăng trưởng đến từ nhóm thép xây dựng (+8,3% sv Q4, chiếm 41% tổng sản lượng), bù đắp cho sự điều chỉnh của HRC (-10,5% sv Q4, chiếm 43%). Các SP khác ghi nhận phục hồi nhẹ, với ống thép/tôn mạ tăng lần lượt 13,4%/2,9% sv Q4. Đáng chú ý, doanh thu xuất khẩu tăng mạnh 84% sv Q4/+38% CK, đạt 12.011 tỷ đồng, chiếm 23% doanh thu mảng thép, so với mức đóng góp 14% trong Q4.
- **Giá bán bình quân:** tăng +17,5% sv Q4/+11% CK lên 14,7 triệu đồng/tấn, nhìn chung phù hợp với xu hướng phục hồi của giá thép trong giai đoạn. Tuy nhiên, mức tăng có phần cao hơn so với diễn biến giá thị trường, trong bối cảnh giá bán chỉ cao hơn Q4 từ tháng 3 và phân bổ sản lượng trong quý tương đối đồng đều.
- **Tỷ suất lợi nhuận:** chi phí bình quân đạt 11.8 triệu đồng/tấn và tăng thấp hơn giá bán (+14,7% sv Q4/+5,3% CK), qua đó giúp spread mở rộng mạnh. Diễn biến này kéo theo biên lợi nhuận EBIT/EBITDA cải thiện lần lượt 1,7/1,9 điểm % sv Q4.

Q2–Q3/2026 sẽ phản ánh đầy đủ hơn tác động của đợt tăng giá thép gần đây

Thông tin thị trường gần đây cho thấy HPG tiếp tục nâng giá chào HRC cho đơn hàng giao T6/2026 lên 15,7 triệu đồng/tấn (597 USD/t), tăng 19% so với mức đáy 13.2tr/tấn trong T1/2026. Như đã đề cập, giá bán bình quân trong Q1/26 đang ở mức cao so với mặt bằng giá thị trường, và có độ trễ khoảng 1–2 tháng so với giá forward. Do đó, kỳ vọng giá bán sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong Q2, với mức tăng thấp hơn.

Hoạt động xây dựng đang cho thấy tín hiệu tăng tốc, nhờ đẩy mạnh đầu tư công. Xu hướng này và thuế CBPG sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng sản lượng. Dựa trên sản lượng tiêu thụ trong 1Q, mức vận hành hiệu dụng của HPG tại các dây chuyền thép xây dựng/HRC ước đạt lần lượt 99%/68%.

FY (31/12)	2024	2025F	2026F	2027F	2028F
Doanh thu (tỷ đồng)	138,855	156,116	203,747	223,719	257,277
Lợi nhuận HĐKD (tỷ đồng)	14,615	20,428	28,366	31,652	37,905
Biên lợi nhuận HĐKD (%)	10.5	13.1	13.9	14.1	14.7
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	12,020	15,450	21,881	25,462	31,444
EPS (VND)	1,879	2,013	2,851	3,317	4,097
ROE (%)	11.1	12.6	15.6	16.1	17.6
P/E (x)	19.0	17.8	12.5	10.8	8.7
P/B (x)	2.0	2.1	1.8	1.6	1.4
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.4	2.9	2.9

Ghi chú: lợi nhuận ròng là lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ
Nguồn: dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Securities Research ước tính

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

Ước tính các chỉ tiêu trọng yếu

Hình 1. Kết quả hoạt động kinh doanh mảng thép và ước tính các chỉ yêu trọng yếu

Sản lượng	(Nghìn tấn)	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	Sv Q4	Sv CK
Thép thô	**Tổng**	**1,848**	**2,196**	**2,050**	**2,017**	**2,394**	**2,667**	**2,364**	**3,155**	**3,113**	**-1.4%**	**30.0%**
	Thép xây dựng	956	1,271	1,096	1,159	1,246	1,277	1,062	1,322	1,431	8.3%	14.8%
	HRC	805	724	738	657	1,009	1,253	1,265	1,643	1,471	-10.5%	45.7%
	Các SP khác	88	201	217	201	138	137	129	191	211		
Thép hạ nguồn	**Tổng**	**229**	**312**	**308**	**306**	**281**	**327**	**327**	**316**	**348**	**10.0%**	**23.6%**
	Ống thép	131	188	185	205	184	217	217	213	241	13.4%	31.3%
	Tôn mạ	98	124	123	102	97	111	111	103	106	2.9%	9.0%
Công suất	**Tổng**	**84%**	**100%**	**93%**	**92%**	**83%**	**92%**	**82%**	**88%**	**86%**		
	HRC	107%	96%	98%	88%	70%	86%	87%	76%	68%		
	Thép xây dựng	79%	107%	95%	94%	95%	88%	73%	91%	99%		
Tổng sản lượng		**2,077**	**2,508**	**2,359**	**2,323**	**2,675**	**2,994**	**2,692**	**3,471**	**3,460**	**-0.3%**	**29.3%**
KQKD mảng thép	**(tỷ đồng)**											
Doanh thu		28,623	37,868	31,346	31,996	35,412	33,531	33,912	43,441	50,859	17.1%	43.6%
Lợi nhuận HĐ		2,339	3,368	2,693	2,643	3,220	4,024	3,720	3,660	5,152	40.7%	60.0%
EBIT		3,628	4,943	4,265	3,599	4,825	5,463	5,470	6,498	9,079	39.7%	88.2%
EBITDA		3,936	5,363	4,569	3,913	5,357	5,945	5,831	7,645	9,925	29.8%	85.3%
Các chỉ tiêu trên đơn vị (triệu đồng/t)												
Giá bán		13.8	15.1	13.3	13.8	13.2	11.2	12.6	12.5	14.7	17.5%	11.0%
Giá vốn bình quân		11.9	13.0	11.4	12.1	11.2	9.2	10.4	10.3	11.8	14.7%	5.3%
Chênh lệch		1.1	1.3	1.1	1.1	1.2	1.3	1.4	1.1	1.5	41.2%	23.7%
EBIT		1.3	1.5	1.3	1.3	1.4	1.5	1.5	1.4	1.7	25.2%	23.6%
EBITDA		1.9	2.1	1.9	1.7	2.0	2.0	2.2	2.2	2.9	30.2%	43.2%
Tỷ suất lợi nhuận (%)												
Biên EBIT		*8.2%*	*8.9%*	*8.6%*	*8.3%*	*9.1%*	*12.0%*	*11.0%*	*8.4%*	*10.1%*	*+1.7%p*	*+1.0%p*
Biên EBITDA		*13.8%*	*14.2%*	*14.6%*	*12.2%*	*15.1%*	*17.7%*	*17.2%*	*17.6%*	*19.5%*	*+1.9%p*	*+4.4%p*
Đóng góp mảng thép (%)												
% doanh thu hợp nhất		92.8%	95.7%	92.3%	92.8%	94.1%	93.45	93.1%	94.1%	96.1%		
% lợi nhuận hoạt động hợp nhất		81.0%	91.2%	79.6%	80.0%	84.6%	81.1%	81.4%	84.0%	48.1%		

Nguồn: Mirae Asset Research ước tính

Hình 2. Kết quả hoạt động kinh doanh, theo mảng hoạt động

(tỷ đồng)		1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	QoQ	YoY
Doanh thu	**Tổng**	**30,852**	**39,556**	**33,956**	**34,491**	**37,622**	**35,911**	**36,407**	**46,176**	**52,901**	**14.6%**	**53.4%**
	Thép	28,623	37,868	31,346	31,996	35,412	33,531	33,912	43,441	50,859	17.1%	59.0%
	Nông nghiệp	1,517	1,542	1,834	2,014	1,988	2,240	2,031	1,857	1,763	-5.0%	-12.4%
	Bất động sản	712	146	776	481	222	139	464	879	278	-68.3%	-42.1%
Lợi nhuận HĐ	**Tổng**	**2,888**	**3,692**	**3,385**	**3,303**	**3,807**	**4,961**	**4,571**	**4,357**	**10,704**	**145.7%**	**224.1%**
	Thép	2,339	3,368	2,693	2,643	3,220	4,024	3,720	3,660	5,152	40.7%	94.9%
	Nông nghiệp	201	245	313	392	446	578	386	192	372	94.0%	-5.2%
	Bất động sản	348	79	379	268	141	359	465	505	5,181	926.2%	1,834.5%
Lợi nhuận trước thuế		3,261	3,733	3,412	3,287	3,840	4,972	4,550	4,357	10,762	147.0%	227.4%
Lợi nhuận ròng cổ đông cty mẹ		2,871	3,319	3,023	2,807	3,350	4,265	3,988	3,739	8,994	140.5%	220.4%
Biên lợi nhuận hoạt động		*9.4%*	*9.3%*	*10.0%*	*9.6%*	*10.1%*	*13.8%*	*12.6%*	*9.4%*	*20.2%*	*9.4%*	*20.2%*
Biên lợi nhuận ròng		*9.3%*	*8.4%*	*8.9%*	*8.1%*	*8.9%*	*11.9%*	*11.0%*	*8.1%*	*17.0%*	*8.1%*	*17.0%*

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Research ước tính

Hình 3. Doanh thu Q1 tăng 17% sv Q4, tăng trưởng chính đến từ mảng thép

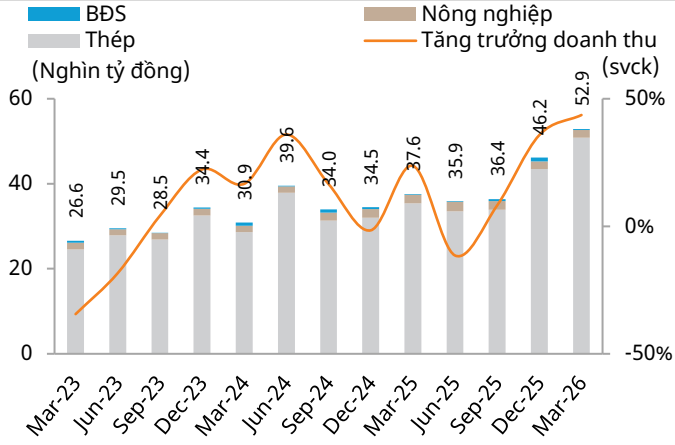

Hình 4. Bên cạnh tăng trưởng HĐ cốt lõi, tăng trưởng lợi nhuận còn được đóng góp từ lãi chuyển nhượng 4.9 nghìn tỷ

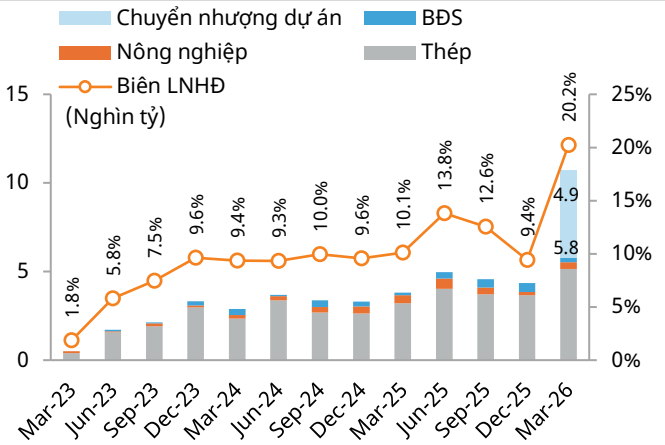

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Research ước tính

Hình 5. Sản lượng tiếp tục duy trì ở mức cao tương đương với Q4; Giá bán ghi nhận trong kì tăng mạnh

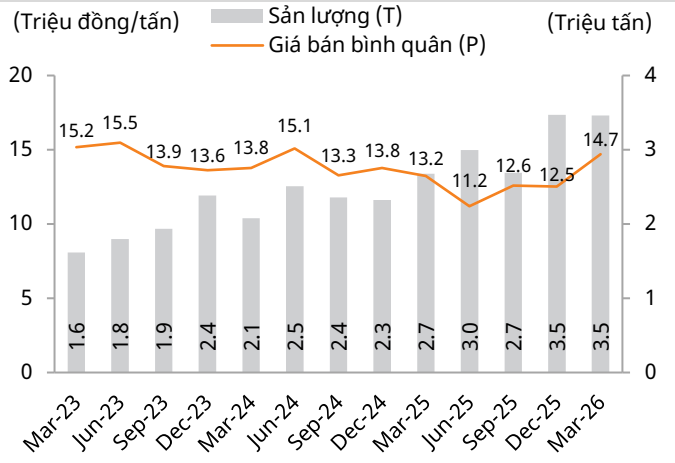

Hình 6. Mức chênh của giá bán thép sv chi phí cũng tăng mạnh, hỗ trợ biên lợi nhuận mở rộng

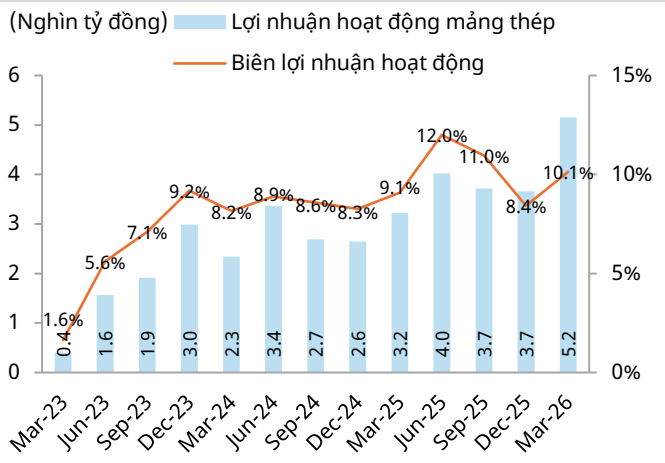

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Research ước tính

Hình 7. Theo ước tính, mức chênh giữa giá bán và chi phí HPG ghi nhận trong 1Q hồi phục mạnh sv đáy Q4...

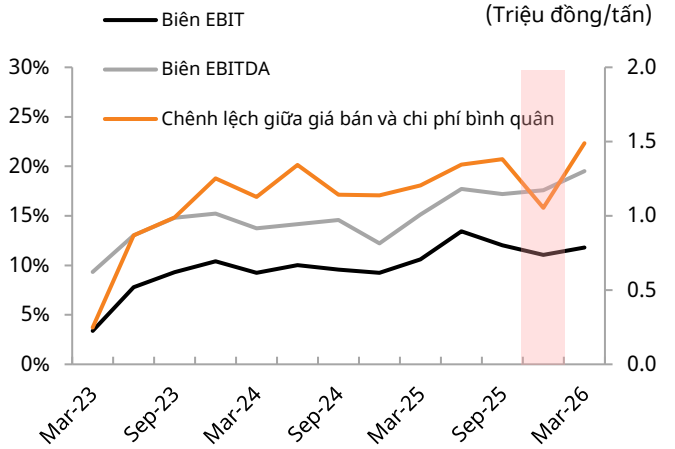

Hình 8. ... Xu hướng tương tự cũng được quan sát giữa giá thép và quặng và than cốc, dù mức mở rộng thấp hơn HPG

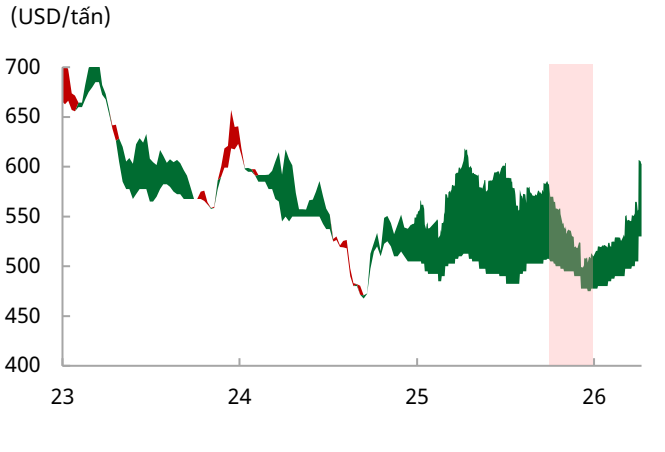

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Research ước tính

Hình 9. Giá HRC đã tăng 19% kể từ đầu năm, hiện đạt mức cao nhất trong 2 năm. Thị trường đang kỳ vọng xu hướng tăng sẽ tiếp diễn trong Q3/26, khi tồn kho HRC nhập khẩu giá thấp từ Trung Quốc trong giai đoạn trước đã phần lớn được sử dụng hết

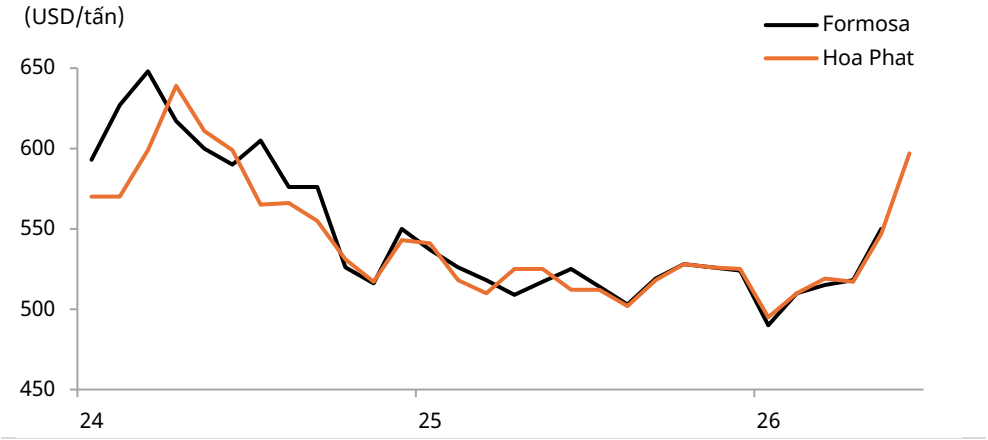

Nguồn: Bigmint, Mirae Asset Research

Cập nhập thông tin tại ĐHĐCĐ 2026

Dự án thép đường ray và thép chuyên dụng

Dự án nhìn chung đúng tiến độ. Dự án có vốn đầu tư 10 nghìn tỷ đồng với công suất thiết kế đạt 700 nghìn tấn/năm, bao gồm 200 nghìn tấn thép ray và 500 nghìn tấn các sản phẩm thép chất lượng cao khác, với vốn đầu tư 10.000 tỷ đồng. Tính đến cuối Q1/26, tiến độ xây dựng đạt khoảng 35% và đang bước vào giai đoạn thi công cao điểm, với kế hoạch bắt đầu lắp đặt thiết bị từ 6/2026.

Ngoài cung cấp thép ray, HPG có kế hoạch tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành đường sắt, bao cung cấp gồm thép cho hạ tầng và thiết bị của tuyến đường sắt Bắc – Nam, và cung cấp thép đầu vào để sản xuất đầu máy, toa xe. Ban lãnh đạo nhấn mạnh nhu cầu đầu tư của tuyến đường sắt quốc gia, với hơn 3.000km đường sắt đô thị và khoảng 1.800–2.000km đường sắt cao tốc đang được nghiên cứu phát triển. Đồng thời, công ty cũng đang mở rộng danh mục sản phẩm sang các dòng thép chất lượng cao hơn, hướng tới các khách hàng downstream như Vietnam Railways, Alstom và các nhà sản xuất thiết bị đường sắt khác.

Dự án nhà máy thép Phú Yên

Dự án Phú Yên là bước mở rộng công suất tiếp theo của HPG, sau Dung Quất 2, với công suất thiết kế 6 triệu tấn/năm, bao gồm 50% HRC và 50% thép xây dựng. Tổng mức đầu tư ước khoảng 86 nghìn tỷ đồng, với tài trợ sử dụng 50% vốn vay. Dự án đã được khởi động và hiện đang trong giai đoạn xây dựng ban đầu, với tiến độ kéo dài do các yêu cầu về pháp lý và hạ tầng (bao gồm hạng mục đê chắn sóng). Dự kiến vận hành thương mại từ khoảng năm 2030.

Hiện tại, công suất HRC và thép xây dựng của HPG lần lượt đạt 8,6 triệu tấn và 5,8 triệu tấn/năm. Khi hoàn thành, dự án sẽ nâng công suất hai mảng này thêm 35% và 52%.

Đầu tư và lĩnh vực bất động sản

Tại ĐHĐCĐ 2026, ban lãnh đạo HPG có kế mở rộng đầu tư mảng bất động sản nhà ở trong 5 năm tới, nhưng vẫn duy trì quan điểm đây không phải lĩnh vực cốt lõi. HPG dự kiến tham gia đầu tư dự án tái phát triển đô thị ven sông Hồng – một dự án PPP quy mô lớn (diện tích 11.000ha; tổng mức đầu tư 855 nghìn tỷ đồng), liên doanh cùng Thaco và Đại Quang Minh.

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

Báo cáo tài chính (tóm tắt)

(tỷ đồng)	2025	2026F	2027F	2028F
Doanh thu thuần	**156,116**	**203,747**	**223,719**	**257,277**
Giá vốn hàng bán	-131,618	-170,019	-186,167	-212,574
Lợi nhuận gộp	**24,498**	**33,729**	**37,552**	**44,702**
Chi phí bán hàng & quản lý	-4,070	-5,363	-5,900	-6,798
Lợi nhuận hoạt động (điều chỉnh)	**20,428**	**28,366**	**31,652**	**37,905**
Lợi nhuận hoạt động	17,906	25,503	29,687	36,658
Lợi nhuận ngoài HĐKD	**-2,522**	**-2,862**	**-1,965**	**-1,246**
Thu nhập tài chính thuần	-2,522	-2,862	-1,965	-1,246
Lãi/lỗ từ công ty liên kết	0	0	0	0
Lãi/lỗ khác	135	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	**18,041**	**25,503**	**29,687**	36,658
Thuế TNDN	-2,526	-3,570	-4,156	-5,132
Lợi nhuận sau thuế	**15,515**	**21,933**	**25,531**	31,526
LNST cổ đông công ty mẹ	**15,450**	**21,881**	**25,462**	**31,444**
Lợi ích cổ đông thiểu số	65	52	69	82
EBITDA	28,896	40,105	43,985	50,063
Dòng tiền tự do	-6,659	22,553	29,323	25,870
Biên lợi nhuận gộp (%)	15.7	16.6	16.8	17.4
Biên EBITDA (%)	18.5	19.7	19.7	19.5
Biên lợi nhuận hoạt động (%)	13.1	12.0	14.1	14.7
Biên lợi nhuận ròng (%)	9.9	10.7	11.4	12.2

Bản cân đối kế toán (tóm tắt)

	2025	2026F	2027F	2028F
Tài sản ngắn hạn	**103,682**	**114,143**	**129,585**	**156,421**
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,301	13,864	23,161	35,999
Phải thu và các khoản phải thu khác	15,065	11,657	13,754	17,860
Hàng tồn kho	52,828	58,691	61,716	69,887
Tài sản ngắn hạn khác	27,488	29,930	30,954	32,675
Tài sản dài hạn	**154,240**	**148,413**	**142,765**	**138,288**
Tài sản cố định hữu hình	145,006	139,180	133,532	129,055
Đầu tư liên doanh	2,300	2,300	2,300	2,300
Tài sản dài hạn khác	6,934	6,934	6,934	6,934
Tổng tài sản	**257,922**	**262,556**	**272,350**	**294,709**
Nợ ngắn hạn	**94,209**	**84,101**	**80,202**	**80,568**
Phải trả người bán	27,334	23,839	25,482	28,327
Nợ vay ngắn hạn	64,695	57,446	51,636	48,721
Nợ ngắn hạn khác	2,180	2,816	3,083	3,520
Nợ dài hạn	**32,493**	**29,140**	**24,978**	**23,120**
Nợ vay dài hạn	27,479	24,038	19,187	17,818
Nợ dài hạn khác	5,014	5,102	5,791	5,302
Tổng nợ phải trả	**126,702**	**113,241**	**105,179**	**103,688**
Vốn chủ sở hữu	**129,178**	**147,221**	**165,007**	**188,776**
Vốn cổ phần	76,755	76,755	76,755	76,755
Lợi nhuận giữ lại	51,035	69,078	86,864	110,633
Thặng dư vốn và các khoản khác	1,388	1,388	1,388	1,388
Lợi ích cổ đông thiểu số	**2,042**	**2,094**	**2,163**	**2,245**
Tổng cộng nguồn vốn	**131,220**	**149,315**	**167,170**	**191,021**

Báo cáo chuyển lưu tiền tệ (tóm tắt)

	2025	2026F	2027F	2028F
Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh	**15,694**	**25,952**	**34,249**	**32,397**
Lợi nhuận sau thuế	15,450	21,881	25,462	31,444
Các khoản điều chỉnh trước VĐL	7,714	11,739	12,332	12,158
Khấu hao và khấu trừ	8,468	11,739	12,332	12,158
Khác	-754	0	0	0
Thay đổi vốn lưu động	-8,066	-7,668	-3,546	-11,205
Thay đổi khoản phải thu	-7,542	3,351	-2,327	-3,934
Thay đổi hàng tồn kho	-7,245	-5,863	-3,024	-8,172
Thay đổi khoản phải trả	8,947	-2,184	1,397	2,486
Các thay đổi Khác	-2,227	-2,973	408	-1,585
Các khoản mục khác	596	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư	**-25,172**	**-5,913**	**-6,684**	**-7,681**
Thay đổi chi phí xây dựng cơ bản	-25,692	-5,913	-6,684	-7,681
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-2,534	0	0	0
Thay đổi tài sản đầu tư dài hạn	1,818	0	0	0
Các khoản mục khác	1,237	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính	**10,891**	**-14,476**	**-18,268**	**-11,878**
Nợ vay	9,211	-10,690	-10,661	-4,284
Vốn và các quỹ	1,680	-3,838	-7,675	-7,675
Cổ tức tiền mặt	0	-3,838	-7,675	-7,675
Các khoản mục khác	-27	-3,838	-7,675	-7,675
Lưu chuyển tiền thuần	**1,413**	**5,563**	**9,296**	**12,838**
Số dư đầu kì	6,888	8,301	13,864	23,161
Số dư cuối kì	8,301	13,864	23,161	35,999

Định giá và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

	2025	2026F	2027F	2028F
P/E (x)	17.4	12.3	10.6	8.5
P/CF (x)	-40.3	11.9	9.2	10.4
P/B (x)	2.0	1.8	1.6	1.4
EV/EBITDA (x)	9.3	6.7	6.1	5.4
EPS (VND)	2,013	2,851	3,317	4,097
CFPS (VND)	-868	2,938	3,820	3,370
BPS (VND)	17,096	19,454	21,780	24,887
DPS (VND)	0	-500	-1,000	-1,000
Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt (%)	0.0	17.5	30.1	24.4
Cổ tức tiền mặt trên thị giá (%)	0.0	1.4	2.9	2.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	12.4	30.5	9.8	15.0
Tăng trưởng EBITDA (%)	34.2	38.8	9.7	13.8
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	39.8	38.9	11.6	19.8
Tăng trưởng EPS (%)	7.1	41.6	16.4	23.5
Vòng quay phải thu (x)	30.1	25.3	21.3	17.7
Vòng quay tồn kho (x)	2.6	2.9	3.0	3.0
Vòng quay phải trả (x)	8.5	8.9	9.1	9.3
ROE (%)	12.7	15.8	16.3	17.8
ROA (%)	6.4	8.4	9.5	11.1
ROIC (%)	8.4	11.1	12.4	14.4
Nợ vay ròng trên vốn chủ (x)	49.1	32.2	16.9	5.8
Tiền mặt trên nợ ngắn hạn (%)	42.9	58.1	82.6	113.9
Chỉ số thanh khoản hiện hành (x)	1.1	1.4	1.6	1.9
Chỉ số thanh khoản nhanh (x)	0.4	0.5	0.7	0.9

Source: Company data, Mirae Asset Securities Research estimates

PHỤ LỤC

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Công ty (mã cổ phiếu)	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	2/23/2026	Mua	35,000
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	10/10/2025	Mua	35,750
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	7/10/2025	Mua	29,850
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	5/6/2025	Mua	26,667
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	12/2/2024	Tăng tỷ trọng	23,917
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	8/30/2024	Tăng tỷ trọng	27,083
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	8/9/2024	Mua	27,083
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	6/3/2024	Tăng tỷ trọng	27,576

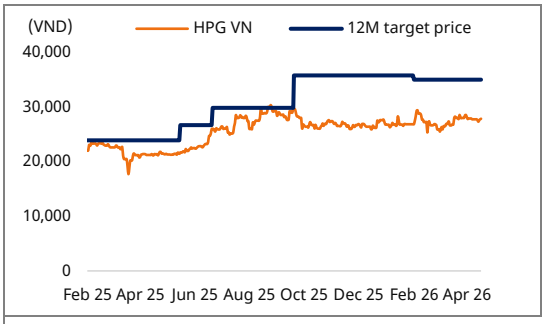

Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu	
Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành	
Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.
Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.
Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.
MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)
One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.
Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.
41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Securities (USA) Inc.
810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.
555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM
Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia
Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.
6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC
7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC
#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd
2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Beijing Representative Office
2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Shanghai Representative Office
38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Ho Chi Minh Representative Office
7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited
Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,
Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336